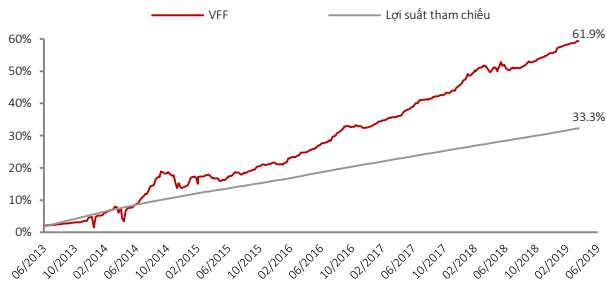


## VFF Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập (05/2013 – 07/2019)



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

### Kết quả hoạt động so với lãi suất tham chiếu

	VFF	4 SOCBs 3M deposit <sup>1</sup>	4 SOCBs 12M deposit <sup>1</sup>	VCB 12M deposit <sup>1</sup>
Tổng Tài Sản (tỷ VNĐ)	183.7			
NAV/CCQ, VNĐ	16,360			
<b>Tăng trưởng NAV<sup>2</sup></b>				
So với tháng trước	1.0%			
Từ đầu năm	5.2%	2.9%	4.0%	3.9%
<b>Quy thành năm</b>				
2019	8.9%	5.0%	6.8%	6.8%
2018	6.8%	4.7%	6.7%	6.5%
2017	9.9%	4.8%	6.7%	6.5%
2016	9.0%	5.1%	6.6%	6.4%
2015	6.7%	4.7%	6.1%	6.1%
2014	8.8%	5.9%	7.1%	7.0%
2013	6.3%	5.2%	5.8%	5.8%
Từ ngày thành lập	8.0%	5.1%	6.5%	6.4%
<b>Tổng lợi nhuận từ ngày thành lập</b>	<b>63.6%</b>	<b>33.7%</b>	<b>43.2%</b>	<b>42.6%</b>

<sup>1</sup> NAV là lợi nhuận thuần sau khi trừ phí quản lý và chi phí vận hành  
<sup>2</sup> Lãi suất tham chiếu: Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN (VCB, BIDV, Vietin và Agri)  
<sup>3</sup> Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN  
<sup>4</sup> Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của VCB

### Thông tin về Quỹ

Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý thường niên	1,2%
Phí phát hành	0,0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>2,5% &lt; 12 tháng</li> <li>1,5% &gt; / = 12 và &lt; 24 tháng</li> <li>0,75% &gt; / = 24 tháng</li> </ul>
Mức đầu tư tối thiểu	VND2.000.000 / ~USD90
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PwC Vietnam
Định kỳ giao dịch	Hàng tuần, vào ngày thứ Ba
Lãi suất tham chiếu	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

### Chiến lược đầu tư

#### Phân bổ tài sản

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Đầu tư đến 15% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán niêm yết có nền tảng tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và có cơ chế ổn định nhằm hạn chế rủi ro khi giá giảm.

#### Mục tiêu đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Giám đốc Quản lý danh mục: Bà Nguyễn Thị Xuân Dung  
[xuan.nguyen@vinacapital.com](mailto:xuan.nguyen@vinacapital.com)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: [irwm@vinacapital.com](mailto:irwm@vinacapital.com)  
 Tel: +84 8 38 27 85 35

### Tổng quan về Quỹ

#### Cấu trúc Quỹ

#### Quỹ mở Trái phiếu

#### Mức rủi ro

**THẤP**

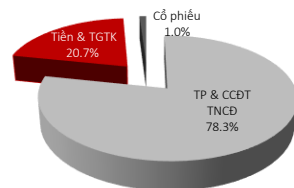
#### Mức lợi nhuận

THẤP TB CAO

#### Mức phí

THẤP TB CAO

### Phân bổ tài sản



### Hiệu quả đầu tư

Giá trị tài sản ròng (GTTSR) trên mỗi chứng chỉ quỹ của VFF đạt 16,360 VNĐ tại thời điểm cuối tháng 7/2019, tăng 1% so với tháng trước và 5,2% tính từ đầu năm. Mức tăng trưởng GTTSR của VFF trong tháng 7 nhờ vào lợi nhuận tích lũy từ các khoản đầu tư trái phiếu và các công cụ thu nhập cố định khác và thặng dư vốn trên các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết;

Tính đến cuối tháng 7/2019, tổng GTTSR của VFF đạt 183,7 tỷ đồng (7,9 triệu USD) so với mức 225,9 tỷ đồng (9,7 triệu USD) tại thời điểm cuối tháng 6. Trái phiếu và các khoản đầu tư thu nhập cố định chiếm 78,3% tổng GTTSR và VFF duy trì 20,7% tổng GTTSR của quỹ bằng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn cho các cơ hội đầu tư mới và đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

### Thị trường trái phiếu

**Thị trường trái phiếu sơ cấp:** Kho Bạc Nhà Nước (KBNN) là tổ chức phát hành duy nhất trong tháng 7/2019 và huy động được 32,1 nghìn tỷ VNĐ (1,4 tỷ USD) trái phiếu với kỳ hạn từ 5 đến 30 năm. Tổng giá trị phát hành tháng 7 tăng 188% so với tháng 6/2019. Nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm với tỷ lệ phát hành lần lượt chiếm 42% và 39% so với tổng giá trị phát hành trong tháng.

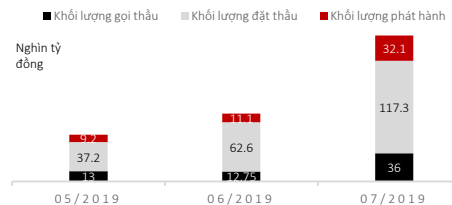
Lợi suất trái phiếu KBNN giảm từ 20 đến 43 điểm cơ bản ở các kỳ hạn. Cụ thể, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm giảm nhiều nhất lần lượt là 32 và 43 điểm cơ bản. Sau 7 tháng đầu năm 2019, KBNN đã huy động thành công 133,2 nghìn tỷ đồng (5,7 tỷ USD) trái phiếu, hoàn thành 51% kế hoạch trong năm 2019.

**Thị trường trái phiếu thứ cấp:** Thị trường trái phiếu thứ cấp tháng 7 sôi động hơn so với tháng trước do nhu cầu đầu tư tăng cao từ việc lợi suất giảm. Tổng giá trị giao dịch trong tháng 7 đạt 97,2 nghìn tỷ VNĐ (4,2 tỷ USD) từ mức 69,2 nghìn tỷ VNĐ (3 tỷ USD) trong tháng 6 tương đương mức tăng 40,4% so với tháng trước. Do đó, lợi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) thứ cấp ghi nhận mức tăng từ 1 đến 8 điểm cơ bản ở các kỳ hạn 1 năm, 2 năm, 3 năm và 5 năm, lợi suất TPCP kỳ hạn 7 năm, 10 năm, 15 năm ghi nhận mức giảm đang kể từ 23 đến 51 điểm cơ bản so với tháng trước.

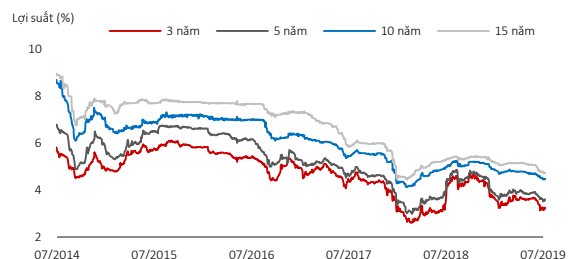
Trong năm 2019, KBNN đặt mục tiêu phát hành 260 nghìn tỷ VNĐ (11,2 tỷ USD) trái phiếu kỳ hạn từ 5 đến 30 năm qua hình thức đấu thầu và chi tiết như sau:

Kỳ hạn	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm	Tổng
Khối lượng, tỷ đồng	40,000	30,000	70,000	78,000	20,000	22,000	260,000

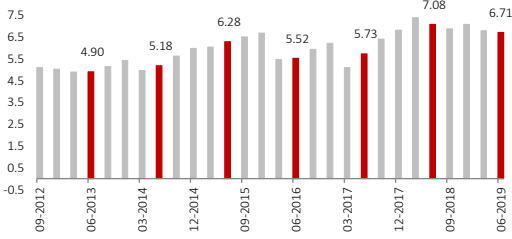
### Kết quả đấu thầu trái phiếu sơ cấp



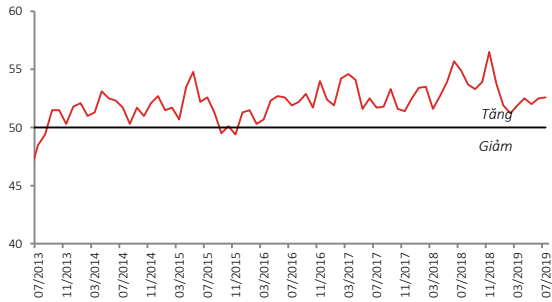
### Lợi suất trái phiếu thứ cấp



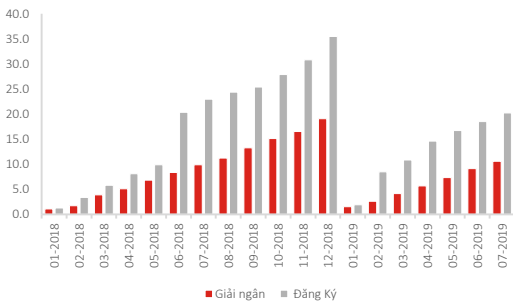
## Tăng trưởng GDP theo quý (%)



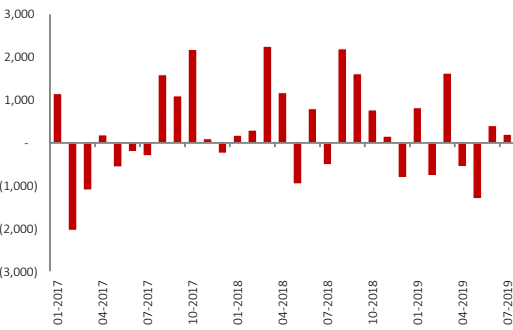
## Chỉ số quản trị mua hàng Nikkei (PMI)



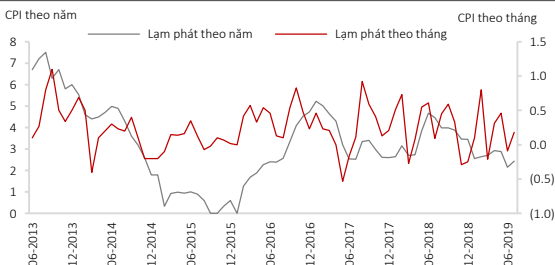
## FDI đăng ký và giải ngân, số lũy kế (tỷ USD)



## Cán cân thương mại hàng tháng (triệu USD)



## Lạm phát theo năm và theo tháng (%)



## Cập nhật thị trường vĩ mô, 07/2019

Chỉ số lạm phát theo năm tăng từ 2,2% trong tháng 6 lên đến 2,4% trong tháng 7, nhưng giảm từ 4,5% so với tháng 7/2018, đến từ việc giảm phát giá lương thực và giá dầu ổn định; cả 2 yếu tố góp phần làm giảm 1 điểm phần trăm trong của chỉ số lạm phát cơ bản.

Giá thực phẩm giảm là do hiệu ứng nhất thời liên quan đến dịch cúm lợn châu Phi (ASF), gần như chắc chắn sẽ đảo ngược trong 2H19, có nghĩa là lạm phát có thể sẽ đạt 3,5-4% vào cuối năm nay. Cụ thể, nông dân đã ráo riết bán lợn của họ ra thị trường kể từ khi ASF lần đầu tiên được phát hiện tại Việt Nam vào tháng 2, dẫn đến giá thịt lợn giảm 30%, đóng góp khoảng 6% vào ROI của cả nước.

Tuy nhiên, Việt Nam đã loại bỏ hơn 10% tổng đàn lợn (giảm 16% so với cùng kỳ). Vì vậy chúng tôi hy vọng sự thiếu hụt thịt lợn sẽ đẩy lạm phát giá lương thực tăng cao trong năm nay. Lưu ý rằng lạm phát giá thực phẩm của Việt Nam ở mức 2,3% trong tháng 7, thấp hơn nhiều so với Trung Quốc khoảng 8% so với cùng kỳ vì Trung Quốc là nơi đã trải qua đợt bùng phát dịch cúm lợn Châu Phi lớn đầu tiên khoảng 8 tháng trước, làm giá thịt lợn tăng khoảng 30% so với cùng kỳ.

Tăng trưởng sản lượng sản xuất của Việt Nam trong nửa đầu năm 2019 gần như không thay đổi ở mức 10,8% so với cùng kỳ và so với 10,7% trong 7 tháng đầu năm 2019. Điều này được phản ánh qua mức tăng khiêm tốn trong chỉ số quản trị mua hàng của Việt Nam (PMI) trong tháng 7. Tăng trưởng cơ sở công nghiệp đang được hỗ trợ bởi mức tăng 7% so với cùng kỳ năm trước của dòng vốn FDI giải ngân đạt 10,6 tỷ USD, mặc dù vốn FDI đăng ký mới đã giảm 36% so với cùng kỳ từ 18,6 tỷ USD trong 7/2018 xuống còn 11,7 tỷ USD trong 7/2019. Sự sụt giảm này là do khoản vốn FDI trị giá 10,4 tỷ USD cao bất thường thu hút trong tháng 6 năm 2018, bao gồm dự án phát triển bất động sản Sumitomo trị giá 4,1 tỷ USD tại Hà Nội.

Trái ngược với sự sụt giảm đó, vốn đầu tư trực tiếp từ Trung Quốc tăng hơn gấp đôi từ 1,1 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2018 lên 2,5 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2019, đưa Trung Quốc trở thành nhà đầu tư lớn thứ ba về vốn đầu tư nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam trong năm nay. Chúng tôi cho rằng sự gia tăng này là do nỗ lực lách thuế của Mỹ đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc. Một hệ quả khác của cuộc chiến thương mại là xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ tăng 25% - khiến Việt Nam trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất (chiếm 22% tổng xuất khẩu) - và lượng nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 17%, biến nước này thành nước có giá trị nhập khẩu lớn nhất (chiếm 29% tổng giá trị nhập khẩu).

Đây là động lực tích cực đối với nền kinh tế Việt Nam, nhưng cũng làm tăng mối lo ngại rằng doanh nghiệp trong nước có thể nhập khẩu các sản phẩm từ Trung Quốc và về cơ bản tái xuất khẩu chúng sang Mỹ thông qua Việt Nam. Điều này có thể khiến Việt Nam bị áp các biện pháp trừng phạt từ chính phủ Mỹ, đặc biệt là vì thịnh dư thương mại của Việt Nam với Mỹ đã tăng từ 13,8 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2018 lên 24,2 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2019.

Sự gia tăng xuất khẩu sang Mỹ đã giúp thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu lên đến 8% trong 7 tháng đầu năm 2019, tuy nhiên lại là mức sụt giảm đáng kể so với tăng trưởng 17% mà Việt Nam đã đạt được trong cùng kỳ năm 2018. Do đó, thịnh dư thương mại của Việt Nam đã giảm từ 2,6 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2018 xuống còn 1,8 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2019 theo Tổng cục Thống kê. Trái ngược với sự sụt giảm khiêm tốn đó, giá trị của VND trong 07/2019 tăng khoảng 0,4% so với tháng trước và 0,1% so với đầu năm.

Vào thời điểm bài viết này đang được hoàn thành, cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung đã leo thang với việc Mỹ chỉ định Trung Quốc là quốc gia "thao túng tiền tệ". Mặc dù tranh chấp sẽ xảy ra và tình hình kinh tế toàn cầu vẫn không rõ ràng, chúng tôi tin rằng nền kinh tế ổn định của Việt Nam vẫn được duy trì ổn định.

## Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

	07/2019	06/2019	2018A	2019F
GDP	% y/y	N/A	6.71	7.08
PMI		52.6	52.5	53.8
CPI, bình quân	% y/y	2.64	2.64	3.45
Cán cân thương mại, lũy kế	USD tỷ	1.79	0.03	7.78
Nhập khẩu	% y/y	8.3	10.0	11.58
Xuất khẩu	% y/y	7.5	8.5	14.24
FDI, Đăng ký	USD tỷ	20.22	18.48	35.46
FDI, Giải ngân	USD tỷ	10.60	9.1	19.10
Dự trữ ngoại hối	USD tỷ	66.00	66.00	60.00
USD/VND	VND	23,205	23,301	22,655

Số liệu dự báo được tổng hợp từ SSI Research

### Ghi chú quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Các thông tin trong tài liệu này không có bất kỳ hàm ý hay chỉ dẫn nào đã được phê duyệt bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền. Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga giảm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.

Không có bất kỳ sự cam đoan, cam kết, bảo đảm hoặc chắc chắn nào dù là rõ ràng hay ngụ ý được đưa ra bởi hoặc thay mặt Công ty hoặc các giám đốc, nhân viên, đối tác, người lao động, đại lý hoặc bên tư vấn hoặc bất kỳ người nào khác về sự chính xác hoặc hoàn chỉnh của những thông tin và ý kiến nêu ra tại đây và những người tin trên cũng sẽ không có bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với những thông tin hoặc ý kiến này hoặc đối với bất kỳ lý do, thiếu sót, tuyên bố sai, bất cập hoặc vấn đề nào khác đối với bất kỳ thông tin liên lạc nào văn bản hoặc bằng cách khác.

Những thông tin này không được sao chép, chuyển giao cho bất kỳ người nào hoặc phát hành toàn bộ hoặc một phần vì bất kỳ mục đích gì. Thông qua việc chấp nhận văn bản này, Quý khách hàng đồng ý bị ràng buộc bởi những hạn chế nêu trên.

Không có trạng nào hoặc bản sao nào được thực hiện hoặc chuyển đi hoặc giao trong phạm vi bất kỳ quyền tài phán nào nơi mà việc chuyển giao những tài liệu đó bị cấm theo luật chứng khoán hiện đang áp dụng. Việc không tuân thủ những hạn chế này có thể dẫn đến việc vi phạm luật chứng khoán quốc gia.